

Số: /2025/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày

tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định kỹ thuật và định mức kinh tế, kỹ thuật về công tác thu nhận lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 995/TTr-SNN&MT ngày 12 tháng 12 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.
2. Các Quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực:
 - a) Quyết định số 13/2020/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.
 - b) Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.
 - c) Quyết định số 32/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra Văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- Các Ban của HĐND, đại biểu HĐND tỉnh;
- UB MTTQVN tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin và Công báo tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC;
- CV NCTH;
- Lưu: VT, NN7(PMD).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Trọng Tấn

QUY CHẾ**Thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng
thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND)**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy chế này quy định việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về đất đai, môi trường, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, đo đạc và bản đồ, viễn thám (sau đây gọi là thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường); cơ chế phối hợp, kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

2. Các nội dung không quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường, các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 3. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường là các thông tin, dữ liệu, hồ sơ, tài liệu được quy định chi tiết tại Điều 4 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ, gồm có:

1. Thông tin, dữ liệu về đất đai.
2. Thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước.
3. Thông tin, dữ liệu về địa chất và khoáng sản.

4. Thông tin, dữ liệu về môi trường.
5. Thông tin, dữ liệu về khí tượng thủy văn.
6. Thông tin, dữ liệu về đo đạc và bản đồ.
7. Thông tin, dữ liệu về biến đổi khí hậu.
8. Thông tin, dữ liệu về viễn thám.
9. Kết quả thanh tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, giải quyết bồi thường thiệt hại về tài nguyên và môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết.
10. Văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về tài nguyên và môi trường.
11. Hồ sơ, kết quả của các chiến lược, quy hoạch, chương trình, dự án, đề án, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ về tài nguyên và môi trường.
12. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường khác do quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ.

Chương II

THU THẬP THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 5. Lập kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Lập kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 6. Thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Hình thức thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước để thu thập, tạo lập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Phú Thọ trong thời hạn một (01) năm kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu, hoàn thành nhiệm vụ, dự án có trách nhiệm giao nộp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường (*qua Văn phòng Đăng ký đất đai*) đối với cấp tỉnh và giao nộp cho Phòng Kinh tế hoặc Phòng

Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị đối với cấp xã: 01 (một) bộ dạng điện tử, 01 (một) bộ gốc in trên giấy và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, dữ liệu do mình giao nộp.

Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường khi giao nhận phải được lập thành biên bản và lưu vào hồ sơ theo quy định. Biên bản giao nộp thông tin, dữ liệu là một trong những cơ sở để xác định hoàn thành công trình, dự án hoặc nhiệm vụ được giao.

3. Thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Cơ quan, tổ chức, cá nhân đang lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Nông nghiệp và Môi trường (qua Văn phòng Đăng ký đất đai) đối với cấp tỉnh và Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị đối với cấp xã để xây dựng, cập nhật danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh phục vụ công bố, tra cứu, cung cấp.

Điều 7. Kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu

1. Kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu phải tuân thủ các quy định, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, phê duyệt.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh.

3. Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị các xã, phường có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp xã và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp xã.

Điều 8. Lưu trữ và bảo quản thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thu thập được phải kịp thời phân loại, đánh giá, xử lý để có hình thức, biện pháp bảo quản, lưu trữ, bảo đảm an toàn và kéo dài tuổi thọ cho thông tin, dữ liệu nhằm đáp ứng các yêu cầu khai thác và sử dụng.

2. Công tác lưu trữ và bảo quản thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo đúng quy định tại Luật Lưu trữ, các quy định, quy trình kỹ thuật tại Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh.

4. Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị các xã, phường thực hiện lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp xã.

Điều 9. Xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Phú Thọ là tập hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được kiểm tra, đánh giá và tổ chức quản lý, lưu trữ một cách có hệ thống được xây dựng, cập nhật và duy trì phục vụ quản lý nhà nước và các hoạt động kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo và nâng cao dân trí do Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng, quản lý và lưu trữ.

2. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Phú Thọ được xây dựng phải phù hợp với khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và kiến trúc chính quyền điện tử cấp tỉnh.

3. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường được xây dựng và kết nối, chia sẻ trên môi trường điện tử phục vụ quản lý, khai thác, cung cấp, sử dụng thông tin, dữ liệu thuận tiện, hiệu quả.

4. Cơ sở dữ liệu phải đáp ứng khung cơ sở dữ liệu, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ thông tin và chuyên ngành.

5. Việc xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành cụ thể thực hiện theo quy định của pháp luật đối với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

Điều 10. Vận hành, cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:

1. Xây dựng các quy trình nghiệp vụ, kiểm soát để vận hành, duy trì cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí bảo đảm thường xuyên, liên tục, định kỳ cập nhật nội dung cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

3. Xây dựng và thực hiện các giải pháp đồng bộ bảo đảm cơ sở dữ liệu có hiệu suất vận hành và sẵn sàng đáp ứng cao.

4. Xây dựng và thực hiện các giải pháp về sao lưu, dự phòng bảo đảm tính nguyên vẹn, an toàn của cơ sở dữ liệu. Trong trường hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hư hỏng, bị phá hủy do các hành vi trái phép phải có cơ chế bảo đảm phục hồi được thông tin, dữ liệu.

Điều 11. Bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin

1. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được phân loại theo cấp độ an toàn hệ thống thông tin, đáp ứng yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng.

2. Văn phòng Đăng ký đất đai; Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, hạ tầng và Đô thị các xã, phường làm nhiệm vụ bảo đảm an toàn cơ sở dữ liệu, thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin, quản lý rủi ro và các biện pháp phù hợp để bảo đảm an toàn thông tin.

Chương III

KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 12. Công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được công bố trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Phú Thọ, Trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Việc công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân thủ theo các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường và theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

2. Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố theo quy định.

Điều 13. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Việc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo các quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 18 và Điều 19 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Điều 14. Thẩm quyền cung cấp và đối tượng được phép khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Thẩm quyền cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng được phép khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường: Các tổ chức, cá nhân có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trực tiếp đến thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Chương IV

KẾT NỐI, CHIA SẺ THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ

Điều 15. Nguyên tắc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Nguyên tắc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện theo các quy định tại Điều 21 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Điều 16. Kết nối, tích hợp thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử

1. Thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường bao gồm thông tin, dữ liệu thời gian thực và thông tin, dữ liệu có độ trễ về thời gian (*phải qua*

các bước phân tích, xử lý). Thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường có ý nghĩa rất quan trọng đối với ứng phó, xử lý kịp thời trong công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai, thảm họa.

2. Thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường, đặc biệt là thông tin dữ liệu thời gian thực từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc bắt buộc quan trắc quy định của pháp luật phải được thu nhận, tích hợp và chia sẻ, cung cấp kịp thời cho các cơ quan, tổ chức có chức năng, phục vụ dân sinh, phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường thu thập, quản lý, cung cấp thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên và môi trường theo thẩm quyền quản lý; cung cấp, tích hợp thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường về cơ sở dữ liệu quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý; sử dụng thông tin, dữ liệu trong cơ sở dữ liệu quốc gia về quan trắc tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG VIỆC THU THẬP, QUẢN LÝ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 17. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã lập, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh hằng năm.

b) Chi đạo Văn phòng Đăng ký đất đai

Phối hợp với các đơn vị có liên quan để tiến hành thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh theo kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hằng năm.

Tổ chức, quản lý thông tin, dữ liệu trên môi trường điện tử; xây dựng vận hành cơ sở dữ liệu phục vụ lưu trữ, trao đổi, kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các cơ sở dữ liệu trên địa bàn tỉnh, các tỉnh, thành phố và các Bộ, ngành.

Ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức tích hợp thông tin, dữ liệu và các ứng dụng nhằm phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác hiệu quả, gia tăng giá trị của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Lưu trữ, bảo quản, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

c) Lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh và công bố trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Phú Thọ và Trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

d) Báo cáo công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh (theo Mẫu BM.30 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT và các quy định của pháp luật có liên quan) gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 15 tháng 12 hằng năm.

2. Sở Tài chính

Hằng năm, trên cơ sở dự toán kinh phí của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính thẩm định, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

Hướng dẫn, hỗ trợ áp dụng các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, dữ liệu bảo đảm thông suốt và an toàn thông tin theo quy định.

4. Các Sở, Ban, ngành

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các Sở, Ban, ngành có thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, thực hiện lập danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường do cơ quan đang quản lý, gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 15 tháng 4 hằng năm để Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, lập kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh hằng năm; giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định tại khoản 2, Điều 8 Quy chế này; cung cấp thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định tại khoản 3, Điều 8 Quy chế này.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh sau khi được phê duyệt.

c) Báo cáo công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh (theo Mẫu BM.30 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT và các quy định của pháp luật có liên quan) gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường (qua Văn phòng Đăng ký đất đai) trước ngày 30 tháng 11 hằng năm.

5. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc lập và tổ chức thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh hằng năm.

b) Chi đạo Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị

Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân xã, phường phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn xã, phường hằng năm.

Cung cấp thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

Thu thập, phân loại, đánh giá, xử lý, lưu trữ, bảo quản, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn xã, phường mình quản lý.

Báo cáo công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn xã, phường (*theo Mẫu BM.30 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT và các quy định của pháp luật có liên quan*) gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường (qua Văn phòng Đăng ký đất đai) trước ngày 30 tháng 11 hằng năm.

6. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan

Tổ chức, cá nhân giao nộp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đối với thông tin, dữ liệu được thu thập, tạo lập bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

Gửi thông báo tới Sở Nông nghiệp và Môi trường (qua Văn phòng Đăng ký đất đai) về danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường do mình sở hữu và có nhu cầu cung cấp (*theo Mẫu số 01 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP*).

Điều 18. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm trả phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu theo quy định.

2. Thực hiện các nghĩa vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Quy định chuyển tiếp

Các thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được điều tra, xây dựng bằng ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Thọ trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành được xử lý theo quy định sau:

1. Đối với những thông tin, dữ liệu đã được nghiệm thu, đánh giá thì các cơ quan, tổ chức đang quản lý thông tin, dữ liệu có trách nhiệm cung cấp toàn bộ thông tin, dữ liệu đó cho Sở Nông nghiệp và Môi trường. Thời hạn cung cấp

thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hoàn thành chậm nhất là 06 tháng, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

2. Đối với nhiệm vụ, dự án, đề án, đề tài, chương trình đang triển khai thực hiện thì tổ chức, cá nhân giao nộp cho cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường theo quy định tại Điều 8 của Quy chế này.

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Giám đốc các Sở, Ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, nghiên cứu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.